CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI HAITONG (VIỆT NAM)

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Tại thời điểm 30/6/2026

Signature Not Verified
Ký bởi: BÙI QUANG KỲ
Ký ngày: 13/8/2026 14:26:17

MỤC LỤC

NỘI DUNG	**TRANG**
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	04 - 05
BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH	06 - 17

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Haitong (Việt Nam) (sau đây gọi tắt là "Công ty"), trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã được soát xét tại thời điểm 30/6/2026.

Khái quát Chung về Công ty

Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Haitong (Việt Nam), (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty CP Chứng khoán VNS được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 69/UBCK-GPHĐKD ngày 28/08/2007; Công ty CP Chứng khoán VNS được đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 27/09/2011; Sau đó, Công ty CP Chứng khoán Đầu tư Việt Nam đổi tên thành Công ty CP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) theo giấy phép điều chỉnh số 55/GPĐC-UBCK ngày 16/07/2021 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Theo Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK ngày 26/5/2026 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, thì Công ty CP Chứng khoán Guotai Junan (Việt Nam) được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Haitong (Việt Nam), tên tiếng Anh là Guotai Haitong Securities (Vietnam) Corp. và tên viết tắt là GTHT (Vietnam).

Công ty hoạt động theo Giấy phép điều chỉnh Giấy phép thành lập và hoạt động Công ty Chứng khoán số 45/GPĐC-UBCK ngày 20/12/2016, số 06/GPĐC-UBCK ngày 17/01/2018, số 30/GPĐC-UBCK ngày 17/5/2019, số 64/GPĐC-UBCK ngày 22/10/2019, số 104/GPĐC-UBCK ngày 22/11/2021, số 02/GPĐC-UBCK ngày 16/01/2024, số 03/GPĐC-UBCK ngày 14/03/2025 và số 58/GPĐC-UBCK ngày 26/05/2026 do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 58/GPĐC-UBCK ngày 26/05/2026 thì: Vốn điều lệ theo đăng ký của Công ty là: 1.049.233.360.000 VND *(Một nghìn không trăm bốn mươi chín tỷ, hai trăm ba mươi ba triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng).*

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị	***Chức vụ***
Ông Wang Jun Hong	Chủ tịch
Ông Yim Fung	Thành viên không điều hành
Ông Nguyễn Thanh Kỳ	Thành viên độc lập
Ông Huang Bo	Thành viên điều hành
Ban Tổng giám đốc	***Chức vụ***
Ông Huang Bo	Tổng Giám đốc-Người đại diện theo pháp luật của Công ty
Ông Hoàng Anh	Giám đốc điều hành
Ông Bùi Quang Kỷ	Phó Tổng giám đốc
Ông Jia Shichao	Phó Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/6/2026)
Ông Lu Xin	Giám đốc tài chính
Uỷ ban Kiểm toán	
Ông Nguyễn Thanh Kỳ	Chủ tịch
Ông Yim Fung	Thành viên
Ông Wang Jun Hong	Thành viên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
(tiếp theo)

Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc đối với Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2026 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2026 và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Trong quá trình lập Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính, Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 sửa đổi, bổ sung Thông tư 91/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định các chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty tại thời điểm 30/6/2026.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI HAITONG (VIỆT NAM)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI HAITONG (VIỆT NAM)

Huang Bo
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Số: 1308.02-26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO SOÁT XÉT
về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2026

Kính gửi : **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Haitong (Việt Nam)

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành soát xét Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2026 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Guotai Haitong (Việt Nam) (gọi tắt là "Công ty") *được lập ngày 11 tháng 8 năm 2026, từ trang 06 đến trang 17* kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2026 phù hợp quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 sửa đổi, bổ sung Thông tư 91/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2026 không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2026 dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việt soát xét theo các nguyên tắc của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, trong phạm vi các nguyên tắc này có thể được áp dụng cho công việc soát xét thông tin tài chính quá khứ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không nhận thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính kèm theo, trên các khía cạnh trọng yếu, được lập và trình bày không phù hợp với các quy định của Thông tư số 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 sửa đổi, bổ sung Thông tư 91/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính.

BÁO CÁO SOÁT XÉT
về Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính tại thời điểm 30/6/2026
(tiếp theo)

Vấn đề khác

Chính sách lập báo cáo và giới hạn sử dụng Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính:

Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này được lập để giúp Công ty đáp ứng các yêu cầu của Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư 91/2020/TT-BTC ngày 13/11/2020 và Thông tư số 102/2025/TT-BTC ngày 20/10/2025 sửa đổi, bổ sung Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định về chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Vì thế, Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính này có thể không phù hợp để sử dụng cho mục đích khác.

Ngô Bá Duy
Phó Tổng giám đốc - Giám đốc kiểm toán
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1107-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI HAITONG (VIỆT NAM)
Số: 214 /CV-GTHTVN
V/v: Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 11 tháng 8 năm 2026

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026

Chúng tôi cam đoan rằng:

(1) Báo cáo được xây dựng trên cơ sở số liệu được cập nhật tại ngày lập báo cáo theo đúng quy định tại Thông tư số 91/2020/TT-BTC quy định chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng các chỉ tiêu an toàn tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 102/2025/TT-BTC.

(2) Đối với những vấn đề có thể ảnh hưởng đến tình hình tài chính của Công ty phát sinh sau ngày lập báo cáo này, chúng tôi sẽ cập nhật trong kỳ báo cáo tiếp theo.

(3) Chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và trung thực của nội dung báo cáo.

Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận Kiểm soát nội bộ	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Mai	Dương Thu Hà	Huang Bo

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN GUOTAI HAITONG (VIỆT NAM) – S.G.P: 58 - C.T.C.P – P. YÊN HÒA - T.P HÀ NỘI

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026

I. BẢNG TÍNH VỐN KHẢ DỤNG

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
A	**Vốn chủ sở hữu**			
1	Vốn góp của chủ sở hữu không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	1.049.233.360.000		
2	Thặng dư vốn cổ phần không bao gồm cổ phần ưu đãi hoàn lại (nếu có)	67.161.809.600		
3	Cổ phiếu quỹ	-		
4	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu - Cấu phần vốn	-		
5	Vốn khác của chủ sở hữu	-		
6	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	-		
7	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.169.366.013		
8	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	648.823.913		
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-		
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đã thực hiện	79.257.651.139		
11	Số dư dự phòng suy giảm giá trị tài sản	71.461.156.813		
12	Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-		
13	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-		
14	Các khoản nợ có thể chuyển đổi			-
15	Toàn bộ phần giảm đi hoặc tăng thêm của các chứng khoán tại chỉ tiêu đầu tư tài chính		3.264.785	143
16	Vốn khác (nếu có)	-		
1A	**Tổng**			**1.268.928.902.836**
B	**Tài sản ngắn hạn**			
I	***Tài sản tài chính***			
1	Tiền và các khoản tương đương tiền			
2	Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
3	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
4	Các khoản cho vay		2.244.101.206	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
5	Tài sản tài chính sẵn sàng đề bán (AFS)		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	
6	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp		-	
7	Các khoản phải thu (Phải thu bán các tài sản tài chính; Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính)		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
8	Chứng quyền có bảo đảm chưa phát hành hết		-	
9	Chứng khoán cơ sở phục vụ mục đích phòng ngừa rủi ro khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
10	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		92.710.405	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
11	Phải thu nội bộ		-	
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Phải thu nội bộ có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NỘI DUNG	Vốn khả dụng		
		Vốn khả dụng	Khoản giảm trừ	Khoản tăng thêm
		(1)	(2)	(3)
12	Phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		-	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
13	Các khoản phải thu khác			
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Các khoản phải thu có thời hạn thanh toán còn lại trên 90 ngày		40.653.792.818	
	- Phải thu còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
14	Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu		-	
II	***Tài sản ngắn hạn khác***			
1	Tạm ứng			
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại từ 90 ngày trở xuống		-	
	- Tạm ứng có thời hạn hoàn ứng còn lại trên 90 ngày		-	
	- Tạm ứng còn hạn nhưng đối tác mất khả năng thanh toán		-	
2	Vật tư văn phòng, công cụ dung cụ		-	
3	Chi phí trả trước ngắn hạn		2.591.110.288	
4	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		5.700.000	
5	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		-	
6	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	
7	Tài sản ngắn hạn khác		729.676.000	
8	Dự phòng suy giảm giá trị tài sản ngắn hạn khác		-	
1B	**Tổng**			**46.317.090.717**
C	**Tài sản dài hạn**			
I	***Tài sản tài chính dài hạn***		***29.500.000.000***	
1	Các khoản phải thu dài hạn		-	
2	Các khoản đầu tư		-	
2.1	Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	
	- Chứng khoán tiềm ẩn rủi ro thị trường		-	
	- Chứng khoán bị giảm trừ khỏi vốn khả dụng		-	

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

2.2	Đầu tư vào công ty con		-	
2.3	Đầu tư dài hạn khác		29.500.000.000	
STT	**NỘI DUNG**	**Vốn khả dụng**		
		Vốn khả dụng	**Khoản giảm trừ**	**Khoản tăng thêm**
		(1)	**(2)**	**(3)**
II	***Tài sản cố định***		***6.812.474.093***	
III	***Bất động sản đầu tư***		-	
IV	***Chi phí xây dựng cơ bản dở dang***		-	
V	***Tài sản dài hạn khác***		***17.360.354.126***	
1	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		1.043.696.100	
2	Chi phí trả trước dài hạn		1.155.517.612	
3	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	
4	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		15.161.140.414	
5	Tài sản dài hạn khác		-	
VI	***Các chỉ tiêu tài sản*** bị coi là khoản ngoại trừ, có ý kiến trái ngược hoặc từ chối đưa ra ý kiến tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán, soát xét mà không bị tính giảm trừ theo quy định tại Điều 5		-	
1C	**Tổng**			**53.672.828.219**
D	**Các khoản ký quỹ, đảm bảo**			
1	Giá trị ký quỹ			
1.1	Giá trị đóng góp vào quỹ hỗ trợ thanh toán của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam		-	
1.2	Giá trị đóng góp vào quỹ bù trừ của đối tác thanh toán trung tâm đối với vị thế mở của chính thành viên bù trừ		-	
1.3	Khoản ký quỹ bằng tiền và giá trị bảo lãnh thanh toán của ngân hàng khi phát hành chứng quyền có bảo đảm		-	
2	Giá trị tài sản dùng để bảo đảm cho nghĩa vụ của công ty chứng khoán và tổ chức, cá nhân khác		120.100.000.000	
1D	**Tổng**			**120.100.000.000**
VỐN KHẢ DỤNG = 1A - 1B - 1C - 1D				**1.048.838.983.900**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

II. BẢNG TÍNH GIÁ TRỊ RỦI RO

A. GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
I. Tiền và các khoản tương đương tiền, công cụ thị trường tiền tệ				-
1	Tiền mặt (VND) và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	-	16.888.218.091	-
2	Các khoản tương đương tiền	-	-	-
3	Giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng trên thị trường tiền tệ, chứng chỉ tiền gửi	-	72.922.739.726	-
II. Trái phiếu Chính phủ				-
4	Trái phiếu Chính phủ không trả lãi	-	-	-
5	Trái phiếu Chính phủ trả lãi suất cuống phiếu: Trái phiếu Chính phủ (bao gồm công trái và trái phiếu công trình đã phát hành trước đây), trái phiếu Chính phủ các nước thuộc khối OECD hoặc được bảo lãnh bởi Chính phủ hoặc Ngân hàng Trung ương của các nước thuộc khối này, trái phiếu được phát hành bởi các tổ chức quốc tế IBRD, ADB, IADB, AFDB, EIB và EBRD, Trái phiếu chính quyền địa phương.	3	-	-
III. Trái phiếu niêm yết và chưa niêm yết của tổ chức tín dụng				
6	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	3	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-
	Trái phiếu tổ chức tín dụng có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
IV. Trái phiếu doanh nghiệp				-
7	**Trái phiếu doanh nghiệp niêm yết**			
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	0	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu niêm yết có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết			
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	5	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	10	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp niêm yết phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	25	-	-
8	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại dưới 1 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	15	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 1 năm đến dưới 3 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	20	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 3 năm đến dưới 5 năm, kể cả trái phiếu chuyển đổi	30	-	-
	Trái phiếu chưa niêm yết do doanh nghiệp khác phát hành có thời gian đáo hạn còn lại từ 5 năm trở lên, kể cả trái phiếu chuyển đổi	35	-	-
	Liệt kê kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với trái phiếu/tổ chức phát hành: - Nêu rõ tổ chức xếp hạng tín nhiệm, thời điểm công bố kết quả xếp hạng tín nhiệm và mức xếp hạng đối với trái phiếu/tổ chức phát hành.			
V. Cổ phiếu			**145.110**	**21.551**
9	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các tổ chức niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán	10	74.710	7.471

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Các hạng mục đầu tư	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
		(1)	(2)	(3) = (1) x (2)
10	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng chưa niêm yết và đăng ký giao dịch qua hệ thống UpCom	20	70.400	14.080
11	Cổ phiếu phổ thông, cổ phiếu ưu đãi của các công ty đại chúng đã đăng ký lưu ký, nhưng chưa niêm yết và đăng ký giao dịch; cổ phiếu đang trong đợt phát hành lần đầu (IPO)	30	-	-
VI. Chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán				-
12	Quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	10	-	-
13	Quỹ thành viên	50	-	-
14	Công ty đầu tư chứng khoán riêng lẻ	30	-	-
VII. Chứng khoán bị cảnh báo, kiểm soát, hạn chế giao dịch, tạm ngừng, đình chỉ, huỷ niêm yết, huỷ giao dịch			**222.200**	**177.760**
15	Chứng khoán bị cảnh báo	35	-	-
16	Chứng khoán bị kiểm soát	40	-	-
17	Chứng khoán bị tạm ngừng, hạn chế giao dịch	60	-	-
18	Chứng khoán bị đình chỉ giao dịch	70	-	-
19	Chứng khoán bị hủy niêm yết, hủy giao dịch	80	222.200	177.760
VIII. Chứng khoán phái sinh				-
20	Hợp đồng tương lai chỉ số cổ phiếu	8	-	-
21	Hợp đồng tương lai trái phiếu chính phủ	3	-	-
IX. Chứng khoán khác			**21.325.400.000**	**17.060.320.000**
22	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài thuộc chỉ số đạt chuẩn/các chỉ số được liệt kê tại Phụ lục VIII	25	-	-
23	Cổ phiếu niêm yết trên các thị trường nước ngoài không thuộc các chỉ số đạt chuẩn/các chỉ số được liệt kê tại Phụ lục VIII	100	-	-
24	Chứng quyền có bảo đảm niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh	8	-	-
25	Giao dịch chênh lệch giá	2	-	-
26	Cổ phần, phần vốn góp, các loại chứng khoán khác và các tài sản đầu tư khác	80	21.325.400.000	17.060.320.000

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

27	Chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán phát hành		-	-
Các hạng mục đầu tư		**Hệ số rủi ro (%)**	**Quy mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
		(1)	**(2)**	**(3) = (1) x (2)**
28	Chứng khoán hình thành từ hoạt động phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm do công ty chứng khoán đã phát hành (trường hợp chứng quyền có bảo đảm không có lãi)		-	-
29	Phần chênh lệch dương giữa giá trị chứng khoán cơ sở dùng để phòng ngừa rủi ro và giá trị chứng khoán cơ sở cần thiết để phòng ngừa rủi ro cho chứng quyền có bảo đảm		-	-
IX. Rủi ro tăng thêm (nếu có) ***(được xác định trên cơ sở vốn chủ sở hữu đã trích lập đầy đủ các khoản dự phòng)***				-
	Mã chứng khoán	**Mức tăng thêm**	**Quy mô rủi ro**	**Giá trị rủi ro**
A. TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO THỊ TRƯỜNG (A= I+II+III+IV+V+VI+VII+VIII+IX)				**17.060.519.311**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

B. GIÁ TRỊ RỦI RO THANH TOÁN

	Giá trị rủi ro
Rủi ro trước thời hạn thanh toán *(Thuyết minh 1)*	37.373.341.748
Rủi ro quá thời hạn thanh toán *(Thuyết minh 2)*	-
Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác *(Thuyết minh 3)*	-
Rủi ro tăng thêm *(Thuyết minh 4)*	9.338.487.566
Tổng giá trị rủi ro thanh toán	**46.711.829.314**

1. Rủi ro trước thời hạn thanh toán

	Hệ số rủi ro	Giá trị rủi ro (VND)						Tổng giá trị rủi ro
		0%	0,8%	3,2%	4,8%	6%	8%	
Loại hình giao dịch		(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	
1	Tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi, các khoản tiền cho vay không có tài sản bảo đảm, các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và các khoản mục tiềm ẩn rủi ro thanh toán khác	-	-	-	-	37.373.341.748	-	37.373.341.748
2	Cho vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
3	Vay tài sản tài chính/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
4	Hợp đồng mua tài sản tài chính có cam kết bán lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
5	Hợp đồng bán tài sản tài chính có cam kết mua lại/Các thỏa thuận kinh tế có cùng bản chất	-	-	-	-	-	-	-
TỔNG RỦI RO TRƯỚC THỜI HẠN THANH TOÁN								**37.373.341.748**

2. Rủi ro quá thời hạn thanh toán

	Thời gian quá hạn	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Từ 0 đến 15 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	16	-	-
2	Từ 16 đến 30 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	32	-	-
3	Từ 31 đến 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	48	-	-

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

4	Trên 60 ngày sau thời hạn thanh toán, chuyển giao chứng khoán	100	-	-
TỔNG RỦI RO QUÁ THỜI HẠN THANH TOÁN				-

3. Rủi ro từ các khoản tạm ứng, hợp đồng, giao dịch khác

TT	Chi tiết tới từng đối tượng	Hệ số rủi ro (%)	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Các hợp đồng, giao dịch, các khoản sử dụng vốn ngoài các giao dịch, hợp đồng được ghi nhận ở các điểm a, b, c, d, đ, e, g khoản 1 Điều 10; các hợp đồng cam kết mua lại, bán lại chứng khoán hoặc các hợp đồng có tính chất tương tự trừ các hợp đồng quy định tại điểm c, d khoản 1 Điều 10; các khoản phải thu từ mua bán nợ với đối tác giao dịch không phải Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC), Công ty trách nhiệm hữu hạn mua bán nợ Việt Nam (DATC):		-	-
	- Hợp đồng, thoả thuận đặt cọc mua bất động sản, các thoả thuận kinh tế có cùng bản chất	150%	-	-
	- Các khoản cho vay, phải thu khách hàng khác không thuộc điểm đ, g khoản 1 Điều 10	150%	-	-
	- Các hợp đồng, giao dịch khác	100%	-	-
	- Khoản tạm ứng		-	-
	+ Chiếm từ 0% đến 2% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	8%	-	-
	+ Chiếm trên 2% đến dưới 5% vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	50%	-	-
	+ Chiếm từ 5% trở lên vốn chủ sở hữu tại thời điểm tính toán	100%	-	-
TỔNG RỦI RO HỢP ĐỒNG, GIAO DỊCH KHÁC				-

4. Rủi ro tăng thêm

TT	Chi tiết tới từng đối tác	Hệ số rủi ro	Quy mô rủi ro	Giá trị rủi ro
1	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	30%	28.005.766.953	8.401.730.086
2	Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	10%	9.367.574.795	936.757.480
TỔNG RỦI RO TĂNG THÊM				**9.338.487.566**

BÁO CÁO TỶ LỆ AN TOÀN TÀI CHÍNH

Tại thời điểm: 30/6/2026
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

C. GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG

	Chỉ tiêu	Giá trị
I	Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong vòng 12 tháng	97.526.733.816
II	Các khoản giảm trừ khỏi tổng chi phí	18.422.231.680
	1. Chi phí khấu hao	*2.591.560.550*
	2. Chi phí chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	*(30.840)*
	3. Chi phí lãi vay	*15.830.701.970*
III	Tổng chi phí sau khi giảm trừ (III=I-II)	79.104.502.136
IV	25% Tổng chi phí sau khi giảm trừ (IV=25%III)	19.776.125.534
V	20% Vốn điều lệ tối thiểu cho các nghiệp vụ kinh doanh của tổ chức kinh doanh chứng khoán	50.000.000.000
TỔNG GIÁ TRỊ RỦI RO HOẠT ĐỘNG (Max{IV,V})		**50.000.000.000**

III. BẢNG TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU RỦI RO VÀ VỐN KHẢ DỤNG

STT	Các chỉ tiêu	Giá trị rủi ro / Vốn khả dụng	Ghi chú (nếu có)
1	Tổng giá trị rủi ro thị trường	17.060.519.311	
2	Tổng giá trị rủi ro thanh toán	46.711.829.314	
3	Tổng giá trị rủi ro hoạt động	50.000.000.000	
4	**Tổng giá trị rủi ro (4=1+2+3)**	**113.772.348.625**	
5	**Vốn khả dụng**	**1.048.838.983.900**	
6	**Tỷ lệ an toàn vốn khả dụng (6=5/4)**	**922%**	

Phê duyệt, ngày 11 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN GUOTAI HAITONG (VIỆT NAM)

Kế toán trưởng	Phụ trách bộ phận Kiểm soát nội bộ	Tổng Giám đốc
Nguyễn Ngọc Mai	Dương Thu Hà	Huang Bo